TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99**/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Thế Ứng**;

2. Bà **Đặng Thị Tiềm**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Mỹ H (tên gọi khác là 6 Tâm H), sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1997;

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 02 năm 2022);

Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:*

1/ Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1982;

2/ Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T mặt; Anh T2 và chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H*:**

Do quen biết từ trước và tin tưởng lẫn nhau nên vào năm 2021 chị Lê Thị Mỹ H có tham gia chơi các dây hụi do chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thanh T2 làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 23/01/2021, hụi khui 100.000 đồng/ngày, gồm 68 phần, chị H tham gia chơi 12 phần. Đối với dây hụi này chị H đã hốt hụi toàn bộ 12 phần. Sau đó, chị P và anh T2 trả cho chị được một phần tiền, còn nợ lại số tiền là 70.000.000 đồng và chị P viết cho chị 01 biên nhận còn nợ chị số tiền nói trên.

- Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 24/02/2021, hụi khui 100.000 đồng/ngày, gồm 68 phần, chị H tham gia chơi 12 phần. Đối với dây hụi này chị H đã hốt hụi toàn bộ 12 phần . Sau đó, chị P và anh T2 trả cho chị được một phần tiền, còn nợ lại số tiền là 76.260.000 đồng và chị P viết cho chị 01 biên nhận còn nợ chị số tiền nói trên.

- Dây hụi thứ ba: Hụi khui ngày 01/02/2021, hụi khui 100.000 đồng/ngày, gồm 38 phần, chị H tham gia chơi 24 phần. Đối với dây hụi này chị H đã hốt hụi toàn bộ 24 phần.

- Dây hụi thứ tư: Hụi khui ngày 22/02/2021, hụi khui 100.000 đồng/ngày, gồm 69 phần, chị H tham gia chơi 15 phần. Đối với dây hụi này chị H đã hốt hụi toàn bộ 15 phần.

Đối với dây hụi thứ ba và thứ tư thì sau khi cấn trừ và tổng kết số tiền hụi thì chị P có viết chung cho chị một biên nhận nợ với tổng số tiền là 197.000.000 đồng.

Như vậy, chị P và anh T2 nợ hụi chị H tổng số tiền là 343.260.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 11/01/2021, chị H có cho chị P và anh T2 vay số tiền là 19.000.000 đồng. Khi vay, chị P là người trực tiếp nhận tiền và viết biên nhận vay tiền. Thời điểm vay và giao nhận tiền thì các bên có làm biên nhận và không thỏa thuận về lãi suất.

Tổng cộng, anh T2 và chị P còn nợ chị H số tiền nợ hụi và nợ vay là 362.260.000 đồng.

Trong biên nhận vay tiền và các giấy ghi hụi thì tên của chị H được ghi là "6 Tâm Hạnh" hoặc "Tâm Hạnh", đây là các tên gọi ở nhà của chị H.

Chị H đã nhiều lần tìm gặp để đòi lại tiền nhưng từ đó cho đến nay anh T2 và chị P đều lẩn tránh và không thực hiện.

Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P phải liên đới trả số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng là 362.260.000 đồng.

- Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* ***Bị đơn anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.***

* ***Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau*:**

- Anh Nguyễn Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không có sửa đổi, bổ sung gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P:

+ Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án;

+ Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp về chứng cứ vắng mặt anh T2, chị P và vụ án không tiến hành hòa giải được.

+ Anh T2 và chị P không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ tại phiên họp chứng cứ.

* ***Tại phiên toà*:**

- Anh Nguyễn Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Toà án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

**** Về thủ tục tố tụng*:**

[1] Quan hệ tranh chấp:

Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P phải liên đới trả số tiền nợ vay và nợ hụi là 362.260.000 đồng nên đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp về Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P cư trú tại địa bàn thị xã

Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P: Anh T2 và chị P đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 và chị P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung vụ án*:**

[5] Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả số tiền là 362.260.000 đồng, trong đó tiền nợ hụi là 343.260.000 đồng và tiền nợ vay là 19.000.000 đồng:

[5.1] Tại các giấy ghi hụi, chị Nguyễn Thị P đã viết tay thể hiện nội dung có nợ "6 Tâm Hạnh" hoặc "Tâm Hạnh" các số tiền lần lượt là 70.000.000 đồng, 76.260.000 đồng và 197.200.000 đồng. Chị P ký tên, ghi rõ họ tên vào đó. Tại văn bản đề ngày 11/01/2021 âm lịch, chị P đã viết tay thể hiện nội dung có vay của "6 Tâm Hạnh" số tiền là 19.000.000 đồng.

[5.2] Tại các đơn xin xác nhận đề ngày 11/5/2022 và ngày 02/6/2022 gởi đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của chị Lê Thị Mỹ H, xác định chị Lê Thị Mỹ H và "6 Tâm Hạnh" hoặc "Tâm Hạnh" là cùng một người. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Mỹ H trình bày, tên gọi "6 Tâm Hạnh" hoặc "Tâm Hạnh" là tên thường gọi ở nhà của chị H.

[5.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án cho chị Nguyễn Thị P nhận trực tiếp nhưng chị P vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ mà chị H đã giao nộp, đồng thời không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, những tình tiết, sự kiện và tài liệu mà chị H đã giao nộp thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.4] Xét thấy, chị P là người trực tiếp giao dịch chơi hụi và vay tiền với chị H. Sau các lần hốt hụi và cấn trừ tiền, chị P đều viết biên nhận tổng kết lại số tiền còn nợ. Khi vay tiền thì chị P cũng viết biên nhận với chị H. Chị H đã nhiều lần liên hệ để đòi lại tiền nhưng chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Chị H yêu cầu chị P trả số tiền vay và hụi còn nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các Điều 166, 463, 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu anh Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới với chị Nguyễn Thị P trả số tiền là 362.260.000 đồng, trong đó tiền nợ hụi là 343.260.000 đồng và tiền nợ vay là 19.000.000 đồng:

[7.1] Anh Nguyễn Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Mỹ H trình bày rằng anh T2 và chị P là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn đang chung sống với nhau và chưa ly hôn. Khi chị P làm chủ hụi hay vay tiền thì anh T2 hoàn toàn biết, vì anh T2 là người hỗ trợ chị P trong vấn đề làm ăn kinh doanh của gia đình.

[7.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án cho anh Nguyễn Thanh T2 nhưng anh T2 vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ mà chị H đã giao nộp, đồng thời không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Từ đó có thể thấy, anh T2 mặc nhiên thừa nhận khoản nợ của chị P với chị H là nợ chung của vợ chồng nên anh T2 phải có nghĩa vụ liên đới với chị P để trả số tiền nợ nói trên theo quy định các Điều 27, 33 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H.

[9] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H nên anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, 33 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H:

Buộc anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho chị Lê Thị Mỹ H số tiền là 362.260.000 đồng, trong đó tiền nợ hụi là 343.260.000 đồng và tiền nợ vay là 19.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị Mỹ H cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 18.113.000 đồng.

- Trả lại chị Lê Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.056.000 đồng theo biên lai thu số 0002297 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND thị xã Cai Lậy;*
- *Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;*
- *Các đương sự trong vụ án;*
- *Lưu: Hồ sơ, VPTA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Phong Hiếu